

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Tháng 8 năm 2024

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 22

11/1/2010  
K

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT

A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch
Ông Lê Việt Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2024)
Ông Đào Đức Việt	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2024)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Đồng	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2024)

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thành Đồng	Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC TRÍ VIỆT**

A15, tầng 1, tòa nhà Home City, số 177 Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Thành Đồng**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Số: 291 /VACO/BCSX.NV2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2024, từ trang 04 đến trang 22 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính giữa niên độ”).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy, không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Phương Lan**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>31.860.731.638</b>	<b>17.603.414.604</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.850.179.192</b>	<b>3.017.103.939</b>
1. Tiền	111	4	11.850.179.192	3.017.103.939
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.005.054.846</b>	<b>12.099.351.602</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	3.893.529.449	3.451.661.497
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	2.870.116.967	2.994.660.813
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.214.405.578	5.626.026.440
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		27.002.852	27.002.852
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.354.055.903</b>	<b>660.057.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	7.354.055.903	660.057.000
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.651.441.697</b>	<b>1.826.902.063</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	496.140.495	1.089.619.869
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.155.301.202	737.282.194
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.715.993.954</b>	<b>31.954.431.853</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>579.666.372</b>	<b>713.396.372</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	579.666.372	713.396.372
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.790.194.921</b>	<b>27.466.112.756</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	16.098.169.828	15.732.420.999
- Nguyên giá	222		37.542.890.917	35.681.054.553
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.444.721.089)	(19.948.633.554)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	11.692.025.093	11.733.691.757
- Nguyên giá	228		11.872.500.000	11.872.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(180.474.907)	(138.808.243)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>277.850.000</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	277.850.000	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.068.282.661</b>	<b>3.774.922.725</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.068.282.661	3.774.922.725
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>63.576.725.592</b>	<b>49.557.846.457</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.217.445.887</b>	<b>6.899.953.823</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.217.445.887</b>	<b>6.899.953.823</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	822.180.915	1.189.496.506
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23.515.400	30.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	477.954.787	1.134.714.804
4. Phải trả người lao động	314		541.037.124	982.765.740
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	15	3.579.845.860	1.830.078.553
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.772.911.801	1.732.898.220
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>56.359.279.705</b>	<b>42.657.892.634</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>56.359.279.705</b>	<b>42.657.892.634</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.590.980.000	32.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.590.980.000	32.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.890.000)	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.829.189.705	10.657.892.634
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.257.892.634	7.065.360.855
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.571.297.071	3.592.531.779
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>63.576.725.592</b>	<b>49.557.846.457</b>



Nguyễn Thành Đồng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Đào Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	17.288.291.460	16.316.891.327
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		17.288.291.460	16.316.891.327
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	10.615.404.968	10.531.079.514
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.672.886.492	5.785.811.813
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.152.616	13.153.766
6. Chi phí tài chính	22	21	109.622.706	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		109.622.706	-
7. Chi phí bán hàng	25	22	1.775.340.957	1.905.906.695
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	2.815.894.571	2.618.130.490
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.978.180.874	1.274.928.394
10. Thu nhập khác	31		6.000	50.000
11. Chi phí khác	32		11.252.428	31.590.741
12. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(11.246.428)	(31.540.741)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.966.934.446	1.243.387.653
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	395.637.375	331.457.498
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.571.297.071	911.930.155
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	409	237
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	311	180



Nguyễn Thành Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Đào Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.966.934.446</b>	<b>1.243.387.653</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.537.754.199	2.389.243.556
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.152.616)	(13.153.766)
- Chi phí lãi vay	06	109.622.706	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi</b>	<b>08</b>	<b>3.608.158.735</b>	<b>3.619.477.443</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	810.007.748	(6.240.798.372)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.693.998.903)	400.254.000
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	952.984.093	3.293.790.043
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.300.119.438	657.552.411
Tiền lãi vay đã trả	14	(109.622.706)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.001.129.404)	(786.950.053)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.133.480.999)</b>	<b>943.325.472</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.169.686.364)	(50.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.152.616	13.153.766
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.163.533.748)</b>	<b>(36.846.234)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	12.130.090.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.947.627.363	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.947.627.363)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>12.130.090.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>8.833.075.253</b>	<b>906.479.238</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.017.103.939</b>	<b>6.741.373.400</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>11.850.179.192</b>	<b>7.647.852.638</b>



Nguyễn Thành Đồng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

Đào Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Anh  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Trí Việt (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0106182582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2013 và đăng ký được thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 5 năm 2024. Vốn điều lệ của Công ty là 50.590.980.000 VND, tương ứng với 5.059.098 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM với mã cổ phiếu là CAR.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 79 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo cao đẳng;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; và
- In ấn.

Hoạt động chính của Công ty là các loại hình giáo dục và đào tạo.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là Báo cáo tài chính giữa niên độ giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

*Đối với tài sản và nợ phải trả, Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc*

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u>
	(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất tại khu đô thị Xuân Phương và phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính được ghi nhận theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

Quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đô thị Xuân Phương Công ty không trích khấu hao.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

**Các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn IB Plus

**Mối quan hệ**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty là người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn IB Plus cho đến ngày 09/5/2024

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Lãnh đạo chủ chốt

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.108.062.245	1.203.986.202
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	9.742.116.947	1.813.117.737
<b>Cộng</b>	<b><u>11.850.179.192</u></b>	<b><u>3.017.103.939</u></b>

Ghi chú:

- (i) Trong đó: Số dư tại ngày 30/6/2024 với số tiền là 9.639.724.821 VND (tài khoản số 2171118710 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm) - là tài khoản mở riêng để theo dõi nghiệp vụ sử dụng vốn trong kỳ thông qua chào bán phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Tài khoản này bị phong tỏa hạn chế giao dịch đến ngày 17/5/2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trung tâm phòng, chống Tai nạn Thương tích Trẻ em	1.580.757.250	1.140.038.250
Các đối tượng khác	2.312.772.199	2.311.623.247
<b>Cộng</b>	<b><u>3.893.529.449</u></b>	<b><u>3.451.661.497</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn FTA	1.946.379.997	1.001.699.997
Công ty TNHH Tổng hợp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Ngân	333.666.464	459.719.136
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ DTF Việt Nam	-	1.500.000.000
Các đối tượng khác	590.070.506	33.241.680
<b>Cộng</b>	<b><u>2.870.116.967</u></b>	<b><u>2.994.660.813</u></b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b><u>4.214.405.578</u></b>	<b><u>5.626.026.440</u></b>
Tạm ứng	3.031.583.224	800.066.440
Ký quỹ, ký cược (i)	83.000.000	8.000.000
Phải thu đại lý (ii)	1.089.327.960	4.817.960.000
Phải thu khác	10.494.394	-
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b><u>579.666.372</u></b>	<b><u>713.396.372</u></b>
Tạm ứng	35.150.000	35.150.000
Ký quỹ, ký cược:	544.516.372	678.246.372
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long (iii)	333.383.472	333.383.472
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Văn Phú (iv)	211.132.900	211.132.900
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Hưng Phát	-	133.730.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.794.071.950</u></b>	<b><u>6.339.422.812</u></b>

Ghi chú:

- (i) Bao gồm khoản đặt cọc thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Imperia Garden, Thanh Xuân, Hà Nội theo Hợp đồng số A2B+B2B/IPG/TTTM/HDT ký ngày 17/5/2018, thời hạn thuê 5 năm từ ngày 24 tháng 06 năm 2018. Tại ngày 31/12/2023 hai bên đã hết hợp đồng thuê, số tiền 75.000.000 VND là khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Hưng Phát tạm giữ lại để thực hiện công việc hoàn trả mặt bằng về nguyên trạng ban đầu.
- (ii) Khoản phải thu các đại lý tiền bán khóa học và các chương trình kỹ năng sống do đại lý thu tiền từ khách hàng.
- (iii) Khoản đặt cọc thuê Văn phòng Công ty tại tầng 5 tòa nhà Sunsquare Mỹ Đình theo Hợp đồng số 3718/HĐCTMB/SUN SQUARE - TRIVIET ký ngày 03/7/2018, thời hạn thuê từ ngày 04/7/2018 đến ngày 17/9/2024.
- (iv) Khoản đặt cọc thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Homecity Trung Kính theo Hợp đồng số 37/HĐ-TTTM-HOMECITY ký ngày 16/12/2016. Thời hạn hợp đồng 2 năm kể từ ngày ký và mặc nhiên ra hạn trong các năm tiếp theo nếu 2 bên không có sự thay đổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.341.946.700	-	660.057.000	-
Công cụ, dụng cụ	3.815.700.000	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	140.400.000	-	-	-
Thành phẩm	2.056.009.203	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.354.055.903</b>	<b>-</b>	<b>660.057.000</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>496.140.495</b>	<b>1.089.619.869</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	92.024.945	1.054.309.869
Các khoản khác	404.115.550	35.310.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.068.282.661</b>	<b>3.774.922.725</b>
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	990.722.218	1.340.388.886
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.432.444.843	2.267.867.171
Các khoản khác	645.115.600	166.666.668

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>33.364.307.103</b>	<b>2.316.747.450</b>	<b>35.681.054.553</b>
Mua trong kỳ	1.450.000.000	411.836.364	1.861.836.364
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.814.307.103</b>	<b>2.728.583.814</b>	<b>37.542.890.917</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>18.265.190.310</b>	<b>1.683.443.244</b>	<b>19.948.633.554</b>
Khấu hao trong kỳ	1.198.606.724	297.480.811	1.496.087.535
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.463.797.034</b>	<b>1.980.924.055</b>	<b>21.444.721.089</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>15.099.116.793</b>	<b>633.304.206</b>	<b>15.732.420.999</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.350.510.069</b>	<b>747.659.759</b>	<b>16.098.169.828</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 12.672.111.962 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 12.672.111.962 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao, không sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 2.155.888.390 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.155.888.390 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	11.487.500.000	385.000.000	11.872.500.000
Số cuối kỳ	11.487.500.000	385.000.000	11.872.500.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	-	138.808.243	138.808.243
Khấu hao trong kỳ	-	41.666.664	41.666.664
Số cuối kỳ	-	180.474.907	180.474.907
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			-
Số đầu năm	11.487.500.000	246.191.757	11.733.691.757
Số cuối kỳ	11.487.500.000	204.525.093	11.692.025.093

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 135.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 135.000.000 VND).

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chương trình STEM số hóa Trí Việt (i)	277.850.000	-
<b>Cộng</b>	277.850.000	-

Ghi chú:

- (i) Công ty đang thực hiện các thủ tục đăng ký bản quyền đối với chương trình STEM số hóa Trí Việt tại Cục bản quyền tác giả.

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Tư vấn Hỗ trợ Giáo dục Việt Nam	337.010.000	337.010.000	343.731.556	343.731.556
Công ty TNHH KOVIF	88.124.340	88.124.340	105.014.340	105.014.340
Trường quay Cổ Loa	69.600.000	69.600.000	325.200.000	325.200.000
Các đối tượng khác	327.446.575	327.446.575	415.550.610	415.550.610
<b>Cộng</b>	822.180.915	822.180.915	1.189.496.506	1.189.496.506

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	924.667.585	395.637.375	1.001.129.404	319.175.556
Thuế thu nhập cá nhân	208.385.953	194.417.570	246.759.882	156.043.641
Các loại thuế khác	1.661.266	9.938.084	8.863.760	2.735.590
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.252.428	11.252.428	-
<b>Cộng</b>	<b>1.134.714.804</b>	<b>611.245.457</b>	<b>1.268.005.474</b>	<b>477.954.787</b>

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền thu trước học phí của các học viên	3.579.845.860	1.830.078.553
<b>Cộng</b>	<b>3.579.845.860</b>	<b>1.830.078.553</b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	52.142.000	52.142.000
Bảo hiểm xã hội	171.685.156	131.671.575
Phải trả phải nộp khác:	1.549.084.645	1.549.084.645
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An (i)	863.440.869	863.440.869
- Công ty Cổ phần ATK Châu Á (i)	388.600.000	388.600.000
- Ông Đặng Ngọc Trinh (i)	296.000.000	296.000.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	1.043.776	1.043.776
<b>Cộng</b>	<b>1.772.911.801</b>	<b>1.732.898.220</b>

Ghi chú:

- (i) Hợp tác liên doanh thực hiện dự án ATK - Khu di tích Lịch sử - Sinh thái Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên liên doanh ba bên gồm Công ty, Công ty Cổ phần ATK Châu Á và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Minh An với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 3,2 tỷ VND, 2,4 tỷ VND và 2,4 tỷ VND (trên tổng số vốn đầu tư dự án là 8 tỷ VND). Dự án được đăng ký thời gian hoạt động là 5 năm, Lãi/lỗ của dự án được chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Tại ngày 30/6/2024, các bên chưa góp đủ vốn theo hợp đồng liên quan, dự án đã đi vào hoạt động nhưng chưa ổn định nên các bên đã có Văn bản thỏa thuận ngày 05/01/2024, các bên đồng ý chưa thực hiện phân chia lãi lỗ và rủi ro theo đúng tỷ lệ góp vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	<b>32.000.000.000</b>	-	<b>7.065.360.855</b>	<b>39.065.360.855</b>
Lãi trong năm	-	-	3.592.531.779	3.592.531.779
Số dư đầu năm nay	<b>32.000.000.000</b>	-	<b>10.657.892.634</b>	<b>42.657.892.634</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	1.571.297.071	1.571.297.071
Phân phối lợi nhuận (i)	6.400.000.000	-	(6.400.000.000)	-
Tăng vốn trong kỳ (ii)	12.190.980.000	(60.890.000)	-	12.130.090.000
Số dư cuối kỳ này	<b>50.590.980.000</b>	<b>(60.890.000)</b>	<b>5.829.189.705</b>	<b>56.359.279.705</b>

**Ghi chú:**

- (i) Công ty thực hiện phát hành 640.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/4/2023. Tháng 01/2024, Công ty đã phát hành thành công và số cổ phiếu này đã được đăng ký giao dịch bổ sung vào ngày 01/3/2024 theo Thông báo số 512/TB-SGDGN ngày 22/02/2024 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- (ii) Công ty thực hiện chào bán thành công 1.219.098 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/4/2023. Tháng 4/2024, Công ty đã chào bán và phát hành thành công và số cổ phiếu này đã được đăng ký giao dịch bổ sung vào ngày 04/7/2024 theo Quyết định số 690/QĐ-SGDGN ngày 02/7/2024 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và được giao dịch chính thức từ ngày 16/7/2024 theo Thông báo số 3153/TB-SGDHN ngày 08/7/2024.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2024 số 264/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2024, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Hạng mục sử dụng vốn	Số tiền
1	Hợp tác liên kết 1 khu giáo dục trải nghiệm	4.090.980.000
2	Mua sắm giáo cụ, học liệu để tổ chức các hoạt động trải nghiệm tại các tỉnh	8.100.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>12.190.098.000</b>

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 5 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là: 50.590.980.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Bà Nguyễn Thùy Thương	8.045.000.000	15,90%	8.045.000.000	25,14%
Công ty Cổ phần Fibo Invest	9.216.000.000	18,22%	7.680.000.000	24,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn IB Plus	7.760.000.000	15,34%	4.550.000.000	14,22%
Các cổ đông khác	25.569.980.000	50,54%	11.725.000.000	36,64%
<b>Cộng</b>	<b>50.590.980.000</b>	<b>100%</b>	<b>32.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**18. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo	17.288.291.460	16.316.891.327
<b>Cộng</b>	<b>17.288.291.460</b>	<b>16.316.891.327</b>

**19. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đào tạo	10.615.404.968	10.531.079.514
<b>Cộng</b>	<b>10.615.404.968</b>	<b>10.531.079.514</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.953.100.000	750.312.600
Chi phí nhân công	4.693.407.309	5.959.671.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.537.754.199	2.389.243.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.792.321.200	4.588.991.765
Chi phí khác bằng tiền	1.426.466.991	1.366.897.684
<b>Cộng</b>	<b>17.403.049.699</b>	<b>15.055.116.699</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	109.622.706	-
<b>Cộng</b>	<b>109.622.706</b>	<b>-</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	1.414.570.483	1.457.284.297
Chi phí đồ dùng văn phòng	73.650.544	255.408.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.445.166	248.733.108
Thuế, phí và lệ phí	21.359.930	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.988.914	77.554.555
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	998.879.534	574.150.199
<b>Cộng</b>	<b>2.815.894.571</b>	<b>2.618.130.490</b>
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
Chi phí nhân viên	1.295.080.522	1.191.702.686
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	36.048.000	15.737.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.248.825	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	380.991.879	626.546.077
Các khoản chi phí bán hàng khác	39.971.731	71.920.782
<b>Cộng</b>	<b>1.775.340.957</b>	<b>1.905.906.695</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.966.934.446</b>	<b>1.243.387.653</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.252.428</b>	<b>31.590.741</b>
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	11.252.428	31.590.741
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.978.186.874</b>	<b>1.274.978.394</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>395.637.375</b>	<b>254.995.679</b>
Thuế TNDN truy thu của các năm trước	-	76.461.819
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>395.637.375</b>	<b>331.457.498</b>

Trong kỳ, ngoài khoản chi phí không được trừ 11.252.428 VND, Công ty đánh giá không có khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ nào cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.571.297.071</b>	<b>911.930.155</b>
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.571.297.071	911.930.155
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (i)	3.840.000	3.840.000
Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>409</b>	<b>237</b>

Hiện tại, theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty, Công ty giữ lại lợi nhuận chưa phân phối của năm 2023. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

Ghi chú:

- (i) Tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/4/2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phát hành 640.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022. Tháng 01/2024, Công ty đã phát hành thành công và số cổ phiếu này đã được đăng ký giao dịch bổ sung vào ngày 01/03/2024 theo Thông báo số 512/TB-SGDGN ngày 22/02/2024 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Theo đó, số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm 2023 là 3.840.000 cổ phiếu.

Công ty thực hiện chào bán thành công 1.219.098 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/4/2023, vào tháng 4/2024, Công ty đã chào bán và phát hành thành công và số cổ phiếu này đã được đăng ký giao dịch bổ sung vào ngày 04/7/2024 theo Quyết định số 690/QĐ-SGDGN ngày 02/7/2024 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và được giao dịch chính thức từ ngày 16/7/2024 theo Thông báo số 3153/TB-SGDHN ngày 08/7/2024. Do đó, số cổ phiếu tăng thêm được tính bình quân từ ngày 16/7/2024, số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong 6 tháng đầu năm 2024 là 3.840.000 cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**25. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán thông qua việc điều chỉnh các số liệu được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu liên quan tới việc sẽ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ có ảnh hưởng tới số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được lưu hành, chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông Công ty</b>	<b>1.571.297.071</b>	<b>911.930.155</b>
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.571.297.071	911.930.155
Bình quân số cổ phiếu phổ thông bao gồm cổ phiếu tiềm năng (cổ phiếu) (i)	5.059.098	5.059.098
Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>311</b>	<b>180</b>

Ghi chú:

- (i) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành 3.840.000 cổ phiếu;
  - Số bình quân gia quyền của cổ phiếu tiềm năng 1.219.098 cổ phiếu đã được phát hành cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giá định các cổ phiếu này được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 28/4/2023.

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (i)	1.221.328.500	1.979.134.242

Ghi chú:

- (i) Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại các địa điểm sau:
- Khoản thuê Văn phòng Công ty tại tầng 5 tòa nhà Sunsquare Mỹ Đình theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 3718/HĐCTMB/SUNSQUARE - TRIVIET ký ngày 03/7/2018, thời hạn thuê 6 năm từ ngày 04/7/2018. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long. Đơn giá thuê trong năm 2023: Thuê văn phòng: 89.355.000 VND/tháng; Phí dịch vụ: 17.871.000 VND/tháng.
  - Khoản thuê văn phòng tại trung tâm thương mại Homecity Trung Kính theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 37/HĐ-TTMM-HOMECITY ký ngày 16/12/2022. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Văn Phú, thời hạn thuê 24 tháng. Đơn giá thuê trong suốt thời gian thuê: Thuê văn phòng: 48.703.200 VND/tháng; Phí dịch vụ: 18.732.000 VND/tháng.
  - Khoản thuê văn phòng tại chung cư 24-T1 khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính theo Hợp đồng thuê nhà với Bà Trần Thị Ngọc Tuyết và ông Nguyễn Minh Đức. Thời hạn thuê 24 tháng từ ngày 15/6/2023. Đơn giá cho thuê trong suốt thời gian thuê là 14.000.000 VND/tháng. Công ty đã dừng thuê từ tháng 4 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- Hợp đồng cho mượn mặt bằng với Ông Nguyễn Quang Gia ngày 10/01/2024, theo đó Ông Nguyễn Quang Gia cho Công ty mượn không tính phí mặt bằng thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Quang Gia tại Đài Bi, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội để dùng làm kho xưởng với thời hạn mượn là 3 năm kể từ ngày 15/01/2024.
- Hợp đồng cho mượn mặt bằng với Ông Hoàng Trung Kiên ngày 10/01/2024, theo đó Ông Hoàng Trung Kiên cho Công ty mượn không tính phí mặt bằng thuộc sở hữu của Ông Hoàng Trung Kiên tại Đàn Mỗ, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội để dùng làm kho xưởng với thời hạn mượn là 3 năm kể từ ngày 15/01/2024.

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	672.676.200	1.650.804.400
Từ năm thứ hai đến năm thứ ba	-	1.863.444.800

**27. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty có ký các hợp đồng thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển thương mại Văn Phú, Công ty đã xây dựng cơ sở hạ tầng trên diện tích thuê này, trong hợp đồng thuê không quy định rõ về nghĩa vụ hoàn nguyên địa điểm thuê. Do đó, Ban Giám đốc đánh giá là Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ trong tương lai khi hết hạn thuê đất liên quan đến tháo dỡ, di dời các tài sản trên đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu. Nghĩa vụ này chỉ có thể được xác định rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai như thỏa thuận với bên cho thuê đất hoặc Cơ quan chức năng ban hành các quy định pháp luật quy định về nghĩa vụ hoàn nguyên của bên đi thuê đất. Do đó, Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí hoàn nguyên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính giữa niên độ ngày 30/6/2024.

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Thu nhập, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
		VND	VND
Bà Nguyễn Thùy Thương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	295.946.809	297.000.000
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Từ ngày 15/12/2023)	174.102.236	-
Ông Đào Đức Việt	Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Đến ngày 15/12/2023)	-	256.434.000
Bà Đào Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 20/4/2024), Kế toán trưởng	18.000.000	18.000.000
		<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
		Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
<b>Số cổ phiếu cổ tức nhận được từ công ty</b>		<b>303.040</b>	-
Bà Nguyễn Thùy Thương		160.900	-
Ông Đào Đức Việt		19.540	-
Bà Đào Thị Thanh Hà		31.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn IB Plus		91.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định trong kỳ bao gồm 30.000.000 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm trước mà được thanh toán vào kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG**

Như trình bày tại Thuyết minh số 26, Hợp đồng thuê trụ sở văn phòng Công ty tại tầng 5 tòa nhà Sunsquare Mỹ Đình theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 3718/HĐCTMB/SUNSQUARE - TRIVIET ký ngày 03/7/2018 sẽ hết hạn vào ngày 17/9/2024. Công ty đang làm việc với bên cho thuê là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Thăng Long để gia hạn hợp đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, đến tháng 4 năm 2024, Công ty đã phát triển thành công chương trình STEM số hóa Trí Việt, đây là chương trình liên quan đến xây dựng phần mềm quản lý khoa học phát triển ứng dụng dạy học cho giảng viên, Công ty đang thực hiện các thủ tục nộp hồ sơ để đăng ký bản quyền chương trình này tại Cục bản quyền tác giả và dự kiến vốn hóa vào tài sản cố định vô hình khi hoàn tất các thủ tục và nhận được Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 về phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành, tại ngày 07/9/2023 Công ty đã ký hợp đồng thỏa thuận nguyên tắc số 079/2023/HĐNT/TV-RH với Công ty Cổ phần Tập đoàn Rolling Hill để hợp tác các hoạt động trải nghiệm và đào tạo giáo dục ngoài trời, team building tại khu đất Rolling Hill, xã Yên Bái, huyện Ba Vì của Công ty Cổ phần Tập đoàn Rolling Hill; thời hạn hợp tác là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng; lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ và căn cứ vào mức doanh thu thực hiện từng tháng. Hiện tại, hai bên đang trong quá trình đàm phán tỷ lệ phân chia lợi nhuận, các hạng mục triển khai và nhân sự thực hiện hợp đồng.



**Nguyễn Thành Đồng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

**Đào Thị Thanh Hà**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Ngọc Anh**  
Người lập biểu